

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và
phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày
23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số
quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 03 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT
ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ
tục hành chính, sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý của Bộ
Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 13/TTr-SCT
ngày 08 tháng 4 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **02 (Hai)** thủ tục hành chính (TTHC) và phê duyệt **03 (Ba)** Quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; bãi bỏ Danh mục **02 (Hai)** TTHC được công bố tại Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố mới danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương và bãi bỏ **03 (Ba)** Quy trình nội bộ giải quyết TTHC được phê duyệt tại Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 2. Giám đốc Sở Công Thương căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa; Danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.gov.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai TTHC theo quy định. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, vận hành quy trình điện tử trong giải quyết TTHC tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục kiểm soát TTHC-Văn phòng CP (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI, BÃI BỎ LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số583.../QĐ-UBND ngày 09.../04.../2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	Toàn trình	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: - Cơ sở sản xuất 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; - Cơ sở kinh doanh 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 22/3/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương về việc quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ

									sinh thực phẩm
2.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	Toàn trình	<p>03 ngày làm việc: Các trường hợp cấp lại do bị mất, hỏng; thay đổi tên cơ sở; thay đổi chủ cơ sở</p> <p>25 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ): trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	<p>Không</p> <p>Phí thẩm định: - Cơ sở sản xuất 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; - Cơ sở kinh doanh 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.</p>	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;</p> <p>- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 22/3/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương về việc quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.</p>

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC
1.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
2.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số ...583... /QĐ-UBND ngày ...09/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

1. Tên thủ tục hành chính (TTHC): Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện
(Mã TTHC: 2.000591 - Mức độ: toàn trình)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 25 ngày làm việc x 08 giờ/ngày làm việc = 200 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận một cửa- Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC) tỉnh	Công chức một cửa	- Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Quản lý Công nghiệp – Chuyên viên	Công chức nghiệp vụ	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Thẩm định thực tế tại cơ sở; Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Soạn dự thảo văn bản trả lời. - Trình lãnh đạo phòng xem xét.	184 giờ			
<i>Bước 3</i>	Phòng Quản lý Công nghiệp – Lãnh đạo phòng	Công chức lãnh đạo phòng	- Xem xét văn bản trả lời; trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt.	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Ban Giám đốc Sở - Lãnh đạo cơ quan	Công chức lãnh đạo cơ quan	- Phê duyệt kết quả.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Văn phòng Sở - Chuyên viên	Công chức (Văn thư, Thủ quỹ)	- Vào sổ lưu, phát hành và đóng dấu. - Xuất lai thu phí, lệ phí (nếu có). - Gửi kết quả đến Bộ phận một cửa Sở Công Thương - Trung tâm PVHCC tỉnh	04 giờ			
<i>Bước 6</i>	Bộ phận một cửa - Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức một cửa	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Không tính thời gian			

2. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (Mã TTHC: 2.000535-Mức độ: toàn trình)

2.1 Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; Do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; Do cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ/ngày làm việc = 24 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận một cửa - Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức một cửa	- Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Quản lý Công nghiệp – Chuyên viên	Công chức nghiệp vụ	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Thẩm định thực tế tại cơ sở; - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Soạn dự thảo văn bản trả lời; trình lãnh đạo phòng xem xét.	14 giờ			
<i>Bước 3</i>	Phòng Quản lý Công nghiệp – Lãnh đạo	Công chức lãnh đạo phòng	- Xem xét văn bản trả lời; trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt.	02 giờ			
<i>Bước 4</i>	Ban Giám đốc Sở	Công chức lãnh đạo cơ quan	- Phê duyệt kết quả.	02 giờ			
<i>Bước 5</i>	Văn phòng Sở - Chuyên viên	Công chức (Văn thư, Thủ quỹ)	- Vào sổ lưu, phát hành và đóng dấu. - Xuất lai thu phí, lệ phí (nếu có) - Gửi kết quả đến Bộ phận một cửa Sở Công Thương - Trung tâm PVHCC tỉnh	02 giờ			
<i>Bước 6</i>	Bộ phận một cửa - Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức một cửa	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Không tính thời gian			

2.2 Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 25 ngày làm việc x 08 giờ/ngày làm việc = 200 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận một cửa - Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức một cửa	- Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Quản lý Công nghiệp – Chuyên viên	Công chức nghiệp vụ	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Thẩm định thực tế tại cơ sở; - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Soạn dự thảo văn bản trả lời; trình lãnh đạo phòng xem xét.	184 giờ			
<i>Bước 3</i>	Phòng Quản lý Công nghiệp – Lãnh đạo	Công chức lãnh đạo phòng	- Xem xét văn bản trả lời; trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt.	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Ban Giám đốc Sở	Công chức lãnh đạo cơ quan	- Phê duyệt kết quả.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Văn phòng Sở - Chuyên viên	Công chức (Văn thư, Thủ quỹ)	- Vào sổ lưu, phát hành và đóng dấu. - Xuất lai thu phí, lệ phí (nếu có) - Gửi kết quả đến Bộ phận một cửa Sở Công Thương - Trung tâm PVHCC tỉnh	04 giờ			
<i>Bước 6</i>	Bộ phận một cửa - Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức một cửa	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Không tính thời gian			